

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1949~~ /BTP-BTTP

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2022

V/v triển khai

Thông tư số 02/2022/TT-BTP

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản. Để góp phần triển khai thi hành có hiệu quả, thống nhất Thông tư số 02/2022/TT-BTP, Bộ Tư pháp trân trọng đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Căn cứ tình hình thực tiễn của Bộ, ngành, địa phương, tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Thông tư số 02/2022/TT-BTP tới cơ quan, tổ chức có liên quan, đảm bảo nắm bắt đầy đủ, chính xác Thông tư; thực hiện đồng bộ, thống nhất khi lựa chọn tổ chức đấu giá để thực hiện việc đấu giá tài sản.

2. Chỉ đạo, quán triệt người có tài sản thuộc thẩm quyền quản lý của mình thực hiện nghiêm, đúng các quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTP; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ bán đấu giá tài sản (đặc biệt là tài sản công), xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

3. Để hiểu đúng và áp dụng thống nhất Thông tư số 02/2022/TT-BTP, đề nghị lưu ý một số vấn đề như sau:

3.1. Việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTP được áp dụng đối với tổ chức đấu giá tài sản. Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức đấu giá tài sản có thể nộp thay hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn nhưng hồ sơ đó phải đứng tên của tổ chức đấu giá tài sản và phải được tổ chức đấu giá tài sản ủy quyền hợp lệ. Người có tài sản đấu giá không nhận hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn đứng tên Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức đấu giá tài sản.

Kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản là kết quả đánh giá, chấm điểm đối với từng hồ sơ đăng ký tham gia của từng tổ chức đấu giá tài sản.

3.2. Thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đối với các trường hợp tổ chức đấu giá tài sản bị trừ điểm quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BTP được tính bắt đầu từ ngày 25/3/2022.

Năm trước liền kề nêu tại các khoản 1, 2, 6, 8 Mục III Phụ lục I Thông tư số 02/2022/TT-BTP được tính bắt đầu từ năm 2021.

3.3. Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá quy định tại khoản 1 mục III Phụ lục I Thông tư số 02/2022/TT-BTP bao gồm hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản hoặc hợp đồng sửa đổi, bổ sung

hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đã ký (áp dụng đối với cả trường hợp đấu giá thành và đấu giá không thành).

3.4. Mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm của các cuộc đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá trong năm trước liền kề của tổ chức đấu giá tài sản quy định tại khoản 2 mục III Phụ lục I Thông tư số 02/2022/TT-BTP được tính theo công thức: lấy mức chênh lệch giữa trung bình cộng của giá trúng đấu giá với trung bình cộng của giá khởi điểm nhân với 100 và chia cho trung bình cộng của giá khởi điểm.

Ví dụ: Trong năm trước liền kề, tổ chức đấu giá tài sản thực hiện được tổng số 03 cuộc đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá. Cuộc đấu giá thứ nhất có giá khởi điểm là 3 tỷ, giá trúng đấu giá 5 tỷ. Cuộc đấu giá thứ hai có giá khởi điểm là 2 tỷ, giá trúng đấu giá 3 tỷ. Cuộc đấu giá thứ ba có giá khởi điểm là 1 tỷ, giá trúng đấu giá 4 tỷ. Trung bình cộng của giá trúng đấu giá là $(5 \text{ tỷ} + 3 \text{ tỷ} + 4 \text{ tỷ})/3 \text{ cuộc} = 4 \text{ tỷ}$. Trung bình cộng của giá khởi điểm là $(3 \text{ tỷ} + 2 \text{ tỷ} + 1 \text{ tỷ})/3 \text{ cuộc} = 2 \text{ tỷ}$. Mức phần trăm (%) chênh lệch để tính điểm là: $(4-2) \times 100/2 = 100\%$.

3.5. Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản của tổ chức đấu giá tài sản quy định tại khoản 3 mục III Phụ lục I Thông tư số 02/2022/TT-BTP được tính như sau:

- Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì thời gian hoạt động được tính từ thời điểm có Quyết định thành lập.

- Đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản và đã thực hiện chuyển đổi theo quy định của Luật Đấu giá tài sản (đã nộp hồ sơ đến Sở Tư pháp để thực hiện chuyển đổi và có doanh nghiệp đấu giá tài sản mới kế thừa toàn bộ quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ trong hoạt động đấu giá tài sản của doanh nghiệp này) thì thời gian hoạt động quy định tại khoản 3 mục III Phụ lục I Thông tư số 02/2022/TT-BTP được tính từ thời điểm doanh nghiệp đấu giá tài sản được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

- Đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP nhưng không thực hiện chuyển đổi theo quy định của Luật Đấu giá tài sản (không nộp hồ sơ đến Sở Tư pháp để thực hiện chuyển đổi, không có doanh nghiệp đấu giá tài sản nào kế thừa toàn bộ quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ trong hoạt động đấu giá tài sản của doanh nghiệp đấu giá tài sản này) thì thời gian hoạt động trước đây không được tính vào thời gian hoạt động cho bất cứ doanh nghiệp đấu giá tài sản nào khác.

3.6. Số lượng hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cùng loại với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá, số lượng cuộc đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá phải được kê khai đầy đủ, thống nhất với số liệu trong báo cáo của tổ chức hành nghề đấu tài sản gửi Sở Tư pháp; trường hợp tổ chức đấu giá liệt kê

không đầy đủ, không thống nhất thông tin với số liệu trong báo cáo tổ chức hành nghề đấu tài sản gửi Sở Tư pháp thì được coi là cố ý cung cấp thông tin không chính xác về tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn.

3.7. Người có tài sản đấu giá phải thông báo công khai các tiêu chí cụ thể và số điểm chấm của mục V Phụ lục I Thông tư số 02/2022/TT-BTP về “Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định” khi thông báo công khai tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

3.8. Người có tài sản đấu giá căn cứ thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của tổ chức đấu giá tài sản tại thời điểm tổ chức đấu giá tài sản nộp hồ sơ để tự đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí lựa chọn quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá, chấm điểm đó. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan (không phải là người có tài sản) nếu có thông tin tiêu chí chấm điểm của tổ chức đấu giá tài sản thì không tự chấm điểm và không được công khai việc chấm điểm kèm theo các thông tin tiêu chí đó trừ trường hợp cung cấp thông tin cho người có tài sản theo quy định của pháp luật.

Người có tài sản đấu giá không được yêu cầu tổ chức đấu giá tài sản nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu chứng minh về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư, ví dụ: không được yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh về trụ sở của tổ chức đấu giá, về hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá...

3.9. Người có tài sản đấu giá đăng thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-BTP trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (đính kèm file thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP).

4. Kết quả triển khai Thông tư số 02/2022/TT-BTP tại địa phương, đề nghị Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi về Bộ Tư pháp trước ngày 31/08/2022.

Trong quá trình thực hiện, mọi thông tin đề nghị kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp (qua Cục Hỗ trợ tư pháp, 58-60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội, email: bthuyen@moj.gov.vn, điện thoại: 024.62739503).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan *HL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở Tư pháp các tỉnh, TP trực thuộc TW (để thực hiện);
- Cục Công tác phía Nam (để biết);
- Thanh tra Bộ (để biết);
- Cổng Thông tin Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục BTPP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phan Chí Hiếu

